TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2019/HNGĐ-ST
Ngày:19/9/2019.
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Tuân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bình** và ông **Lê Công Nhận**.

Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thủy** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Phạm Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2019 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-DS, ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

(Chị H; anh L; Bà X đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương, vào ngày 24/2/2010. Khi về chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và chung sống đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp

tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày cũng như việc phát triển kinh tế gia đình, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa thuận. Khi chị H, anh L phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng không còn nên từ khoảng tháng 02 năm 2019 (khoảng tết âm lịch năm 2019) chị H chuyển về nhà mẹ đẻ tại xã A, huyện TH, tỉnh Hải Dương sinh sống. Nay chị H tự xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về hôn nhân anh L xác định kết hôn với chị H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết. Vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhiều lần. Do tình cảm vợ chồng không còn, kể từ tháng 02 năm 2019 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay anh L tự xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh L xác định có hai con là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 14/5/2012; Nguyễn Trung K, sinh ngày 19/10/2015, hiện tại cháu Chi do chị H nuôi dưỡng; cháu Kiên do anh L nuôi dưỡng. Ly hôn chị H, anh L đề nghị, giao con Nguyễn Thị Quỳnh C cho chị H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Trung K cho anh L nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh L tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Xuân đã nhận, đã giao cho anh L. Bà Xuân xác định anh L, chị H có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H, anh L do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống đời thường cũng như việc phát triển kinh tế gia đình; hiện tại hai bên sống ly thân. Trong thời gian các bên đương sự sống ly thân, bà Xuân cùng với anh L trực tiếp bỏ tiền, công sức để nuôi dưỡng cháu Kiên. Nay chị H xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh L, bà Xuân đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với việc nuôi dưỡng cháu Kiên - bà Xuân tự nguyện không yêu cầu chị H, anh L phải hoàn trả công sức, nguồn lực tài chính (tiền) trong việc trông nom, chăm sóc cháu Kiên, trong thời gian nói trên.

Tại phiên tòa các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại Đơn đề nghị của chị H và anh L đều xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn,

nhất trí ly hôn; về con chung đề nghị giao cháu Chi cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Kiên cho anh L nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; tài sản chung không đề nghị giải quyết; nợ chung không có.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về điều luật: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử chị cho Hằng được ly hôn anh L. Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 14/5/2012 cho chị H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Trung K, sinh ngày 19/10/2015 cho anh L nuôi dưỡng. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Xuân không yêu cầu anh L, chị H phải hoàn trả công sức, nguồn lực tài chính (tiền) trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Kiên. Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết. Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình với anh Nguyễn Văn L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Thúy H, anh Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị X đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vào ngày 24/02/2010 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H, anh L phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày cũng như

việc phát triển kinh tế của gia đình; chị H cư xử không khéo léo, đúng mực với gia đình anh L. Khi xảy ra mâu thuẫn nhưng chị H, anh L đã không đủ bản lĩnh, kỹ năng giải quyết, vượt qua các mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy từ tháng 02 năm 2019 các đương sự sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại UBND, đoàn thể, chính quyền thôn D, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương; người thân trong gia đình của đương sự đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị H cũng như gia đình anh L đã thông báo cho anh L biết nhưng anh L không tham gia phiên hòa giải. Điều này chứng tỏ anh L cũng không tha thiết tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị H. Tại đơn đề nghị của chị H và anh L đều xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đương sự cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Xử, chị H ly hôn anh L, là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế.

[3]. Về con chung: Chị H, anh L có hai con là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 14/5/2012, Nguyễn Trung K, sinh ngày 19/10/2015, hiện tại cháu Chi do chị H nuôi dưỡng; cháu Kiên do anh L nuôi dưỡng. Tại đơn đề nghị của chị H, anh L đều thống nhất thỏa thuận giao cháu Chi cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu Kiên cho anh L nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, anh L, nguyện vọng của cháu Chi và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giao cháu Chi cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Kiên cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế, điều kiện cuộc sống của các bên đương sự. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4]. Đối với nội dung bà Nguyễn Thị X (là mẹ đẻ anh L, bà nội của cháu Nguyễn Trung K) là người trực tiếp cùng với anh L nuôi dưỡng cháu Kiên (từ khi anh L, chị H sống ly thân). Quá trình giải quyết vụ án, bà Xuân tự nguyện không yêu cầu anh L, chị H phải hoàn trả công sức, nguồn lực tài chính (tiền) trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Kiên. Bà Xuân tự nguyện không đề nghị giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết, là đúng pháp luật.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H và anh L tự nguyện không đề nghị giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết, là đúng pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử, chị **Nguyễn Thị Thúy H** ly hôn anh **Nguyễn Văn L**.

Về con chung: Xử, giao con **Nguyễn Thị Quỳnh C**, sinh ngày **14/5/2012** cho chị Nguyễn Thị Thúy H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con **Nguyễn Trung K**, sinh ngày **19/10/2015** cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời điểm nuôi dưỡng các con chung của chị Hằng - anh L, kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2017/0005555, ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo những nội dung có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện TH (đăng ký số 24 ngày 24/02/2010 để lưu và vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân